

PHỤ LỤC 2: TỔNG HỢP KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI NGÀNH XÂY DỰNG QUÝ I/2022

(Kèm theo Báo cáo số /BC-SXD ngày /3/2022 của Sở xây dựng Đắk Lắk)

Stt	Cơ quan báo cáo/Nội dung, số liệu báo cáo	ĐVT	Kế hoạch năm 2022	Kết quả thực hiện quý I năm 2022	Kết quả thực hiện cùng kỳ năm trước	So sánh kết quả thực hiện (%)		Ghi chú
						So với kế hoạch năm 2022	So với cùng kỳ năm 2021	
1	2	3	4	5	6	7=5/4	8=5/6	9
6	SỞ XÂY DỰNG							
6.1	Giá trị sản xuất ngành xây dựng							
	- Giá trị sản xuất xây dựng (giá SS 2010)	Tỷ đồng	12.647	2.529	2.943	20,00	85,93	
	- Giá trị sản xuất xây dựng (giá hiện hành)	Tỷ đồng	19.286	3.857	4.501	20,00	85,69	
6.2	Tỷ lệ chất thải rắn đô thị được thu gom và xử lý	%	91,00	90,76	90,42	99,74	100,38	
6.3	Tỷ lệ dân số đô thị được sử dụng nước sạch	%	91,00	90,60	90,15	99,56	100,50	
6.4	Diện tích sàn nhà ở đô thị bình quân đầu người	m2/người	30,20					Đánh giá theo năm
6.5	Diện tích sàn nhà ở nông thôn bình quân đầu người	m2/người	22,60					Đánh giá theo năm